

Số: 1595 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 03 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và Văn bản số 1406/CV ngày 14 tháng 06 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 1906/CV ngày 19 tháng 06 năm 2023 của Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Đoài về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 4.500 con heo thịt/lứa tại ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4740/TTr-STNMT ngày 04 tháng 7 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Đoài địa chỉ tại ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 4.500 con heo thịt/lứa tại ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín
- 1.2. Địa điểm hoạt động: tại ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3. Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 16/03/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của nhà đầu tư Nguyễn Văn Đoài.
- 1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: trại chăn nuôi heo thịt



1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích mặt đất sử dụng: 49.525 m²
- Quy mô, công suất: 4.500 con heo thịt/lứa.
- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Đoàn được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
2. Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Đoàn có trách nhiệm:

- 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
- 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
- 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
- 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại

lạnh khép kín quy mô 4.500 con heo thịt/lứa của Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Đoàn hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- UBND xã Bến Củi;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595.../GPMT – UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của nhân viên tại khu vực văn phòng và trại chăn nuôi, lưu lượng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà ở công nhân, lưu lượng 1,5 m³/ngày.
- Nguồn số 03: nước thải vệ sinh chuồng nuôi sau mỗi lứa nuôi, lưu lượng 50 m³/ngày.đêm/chuồng.
- Nguồn số 04: nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 2,0 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải (bao gồm nước thải từ nguồn số 01, số 02, số 03 và số 04) sau hệ thống xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 1,0$ và $K_f = 1,2$ xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 72 m³/ngày.đêm theo đường ống uPVC D114, chiều dài 20m chảy ra suối Cống Hợp (thuộc hệ thống sông Sài Gòn) thuộc ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 72 m³/ngày.đêm theo đường ống uPVC D114 dẫn ra hố ga của Dự án tại ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 590 570, Y = 1251 363 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiều 3⁰).

- Điểm xả nước thải: là hố ga xả thải của dự án (xây dựng hố ga bằng bê tông cốt thép, có đường kính 0,6m). Tại hố ga có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01m² và bố trí lối đi thuận lợi cho quá trình kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo đúng quy định. Nước thải sau xử lý được xả ra hố

ga, từ đây nước thải theo đường ống uPVC D114 xả ra suối Cống Hợp.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 72 m³/ngày.đêm

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.4.2. Hình thức xả: xả liên tục 24 giờ/ngày

2.4.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột A, với hệ số K_q = 1,0 và K_r = 1,2 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	7,2 – 10,8	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅	mg/L	48		
3	COD	mg/L	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	60		
5	Tổng Nitơ	mg/L	60		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: được thu gom về 03 bể tự hoại có thể tích 3 m³/bể để xử lý sơ bộ, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 72 m³/ngày.đêm bằng tuyến ống uPVC Φ90 dài 300m để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: được thu gom về 02 bể tự hoại có thể tích 3 m³/bể để xử lý sơ bộ, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 72 m³/ngày.đêm bằng tuyến ống uPVC Φ90 dài 200m để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03, 04: được thu gom bằng ống nhựa uPVC Φ200 dài 10m dẫn về bể biogas, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 72 m³/ngày.đêm bằng tuyến ống uPVC Φ60 dài 80m để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải của Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 72 m³/ngày.đêm để xử lý, nước thải sau hệ thống xử lý theo đường ống uPVC D114, chiều dài 20m chảy ra suối Cống Hợp thuộc ấp 1, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Nước thải chăn nuôi → bể biogas (03 bể) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có quy trình công nghệ như sau: Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải chăn nuôi sau bể biogas) → hồ lắng → bể kỵ khí UAF → bể oxy hóa nâng cao → bể điều hòa → bể anoxic → bể MBBR 1,2 → bể khuấy trộn → bể lắng sinh học → hồ sinh học 1 → hồ sinh học 2 → hồ sinh học 3 → nguồn tiếp nhận.

Hóa chất sử dụng: mật rỉ, soda, PAC, Clorin.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 05 bể tự hoại, kích thước mỗi bể 1,5m x 1,5m x 1,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 03 bể biogas: 02 bể có kích thước mỗi bể 70,0m x 20,0m x 7,0m và 01 bể có kích thước 50,0m x 20,0m x 7,0m, kết cấu lót bạt HDPE, độ dày 1mm;

- 01 hồ lắng, có kích thước 20,0m x 20,0m x 2,0m, kết cấu lót bạt HDPE, độ dày 1mm;

- 01 bể kỵ khí UAF, kích thước 6,2m x 3,5m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể oxy hóa nâng cao, kích thước 4,0m x 2,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể điều hòa, kích thước 4,0m x 4,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể anoxic, kích thước 4,0m x 2,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 02 bể MBBR, kích thước mỗi bể 4,0m x 4,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể khuấy trộn, kích thước 2,0m x 1,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 bể lắng sinh học, kích thước 2,8m x 2,0m x 3,0m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 hồ sinh học 1, kích thước 8,0m x 6,6m x 1,5m, kết cấu lót bạt HDPE, độ dày 1mm;

- 01 hồ sinh học 2, kích thước 30,0m x 12,0m x 1,5m, kết cấu lót bạt HDPE, độ dày 1mm;

- 01 hồ sinh học 3, kích thước 30,0m x 6,6m x 1,5m, kết cấu lót bạt HDPE, độ dày 1mm;

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: ba (03) tháng kể từ ngày đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 72 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại hồ lắng.

- 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nitơ, Coliform.

- Giá trị giới hạn: đạt cột A QCVN 62-MT:2016/BTNMT hệ số K_q = 1,0, K_f = 1,2

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. *Ng*

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/ND-CP.

3.3. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất dễ thương xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. *ly*

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...1595...../GPMT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01 - Chuồng nuôi số 01: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng số 01 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 12.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 02 - Chuồng nuôi số 02: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng số 02 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 12.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 03 - Chuồng nuôi số 03 (chuồng nuôi cách ly): khí thải từ 5 quạt hút bên trong chuồng số 03 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 7.500 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 04 - Chuồng nuôi số 04: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng số 04 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 12.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 05 - Chuồng nuôi số 05: khí thải từ 8 quạt hút bên trong chuồng số 05 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 12.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 06: bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 712,5 m³/h.

- Nguồn số 07: bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là khí biogas. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 143,3 m³/h.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 591 043; Y = 1250 295.

- Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 591 038; Y = 1250 264.

- Nguồn khí thải số 03 tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 591 031; Y = 1250 242.

- Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 04; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 591 051; Y = 1250 211.

- Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 05; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 591 050; Y = 1250 179.

- Nguồn khí thải số 06: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 590 938; Y = 1250 301.

- Nguồn khí thải số 07: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 590 937; Y = 1250 306.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.500 m³/giờ/quạt hút;

- Nguồn khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 712,5 m³/giờ;

- Nguồn khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 143,3 m³/giờ;

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 02: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 08 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 03: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 05 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải từ số 04 đến số 05: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 08 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 06 và số 07: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Nguồn khí thải số từ 01 đến số 05 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh - QCVN 06:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh - QCVN 05:2013/BTNMT:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	µg/m ³	42	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc
2	NH ₃	µg/m ³	200		

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200		bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/ND-CP

- Nguồn khí thải số 06: đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	$P \leq 20.000$		Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/ND-CP
2	Bụi	mg/Nm^3	200		
3	NO_x	mg/Nm^3	850	-	
4	SO_2	mg/Nm^3	500		
5	CO	mg/Nm^3	1.000		

- Nguồn khí thải số 07: máy phát điện sử dụng nhiên liệu khí biogas; bên trong máy phát điện có bộ lọc khí dùng để tách ẩm và khử H_2S có trong khí biogas trước khi sử dụng khí này để chạy máy phát. Nên không thực hiện giám sát chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 05: khí thải từ các chuồng nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua quạt hút của mỗi chuồng nuôi.

- Nguồn số 06: khí thải thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\text{Ø}114\text{mm}$ cao 1,8m, vật liệu thép.

- Nguồn số 07: khí thải thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\text{Ø}90\text{mm}$ cao 2m, vật liệu uPVC.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: khí thải \rightarrow quạt hút \rightarrow công trình xử lý

chất thải → thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất điện lưới, Công ty tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *ly*

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595./GPMT-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 01.
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 02.
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 03 (chuồng nuôi cách ly).
- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 04.
- Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 05.
- Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng, nhiên liệu là dầu DO.
- Nguồn số 07: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng, nhiên liệu là khí biogas.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tọa độ X = 591 043; Y = 1250 295;
- Nguồn số 02: tọa độ X = 591 038; Y = 1250 264;
- Nguồn số 03: tọa độ X = 591 031; Y = 1250 242;
- Nguồn số 04: tọa độ X = 591 051; Y = 1250 211;
- Nguồn số 05: tọa độ X = 591 050; Y = 1250 179;
- Nguồn số 06: tọa độ X = 590 938; Y = 1250 301;
- Nguồn số 07: tọa độ X = 590 937; Y = 1250 306;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *4/*

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595./GPMT-UBND
ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 06	5	Rắn/bùn
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	10	Rắn/lỏng
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại ^(KS)	14 02 02	50	Rắn/lỏng/bùn
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	Rắn
5	Ileo chết do dịch bệnh	14 02 01	Không xác định	Rắn
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	18 02 01	15	Rắn
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	5	Rắn
TỔNG CỘNG			95	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh
1	Phân động vật (phân heo)	14 01 12	405 tấn/lứa
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Ileo chết không do dịch bệnh)	13 02 04	135 con/lứa
3	Bao bì đựng thức ăn	14 01 05	0,36 tấn/lứa

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: *4*

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	90

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường gạch bao quanh, mái che; nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt-Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Phương án xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bao bì

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải thông thường, diện tích 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu mái tôn, tường gạch, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Phương án xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh. *lg*

- Phương án xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện rộng:

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01-99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng nằm cuối lô đất thực hiện Dự án, cách chuồng nuôi gần nhất không được nhỏ hơn 30 mét. Khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác heo chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Công ty bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác heo chết do dịch bệnh tại Dự án.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
 ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Dự án, công suất $72\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đạt QCVN 62 - MT:2016/BTNMT cột A với hệ số $K_q = 1$ và $K_r = 1,2$, sau đó xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT - BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất. *lg*

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên. /.